



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI
KỶ HỌP THỨ HAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT TRÌNH KỶ HỌP THỨ HAI

STT	Trích yếu Báo cáo, dự thảo nghị quyết	Nội dung nghị quyết
	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT DO THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH TRÌNH	
01	Dự thảo nghị quyết về Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026	<p>Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026.</p> <p>Điều 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>
02	Dự thảo nghị quyết về kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri đã gửi đến Kỳ họp thứ Mười sáu và các kỳ họp trước của HĐND tỉnh khóa XI chưa được giải quyết hoặc giải quyết chưa dứt điểm	<p>Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành với Báo cáo số 06/BC-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri đã gửi đến Kỳ họp thứ Mười sáu và các kỳ họp trước của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI chưa được giải quyết hoặc giải quyết chưa dứt điểm và nhấn mạnh một số vấn đề sau đây:</p> <p><i>1. Về kết quả đạt được trong giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri</i></p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh đã nghiêm túc tiếp thu và tích cực chỉ đạo các ngành, các cấp có liên quan tập trung giải quyết các ý kiến, kiến nghị chính đáng của cử tri đã gửi đến Kỳ họp thứ Mười sáu và các kỳ họp trước của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI. Các sở, ban, ngành và địa phương đã thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời và giải quyết các kiến nghị của cử tri đúng thẩm quyền</p>

theo quy định của pháp luật; nội dung giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của cử tri.

Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã đề cao trách nhiệm, thực hiện giám sát việc giải quyết kiến nghị cử tri của các sở, ban, ngành và địa phương, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện việc giải quyết kiến nghị của cử tri. Kết quả kiến nghị tại các kỳ họp trước của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giải quyết xong 06/10 kiến nghị (chiếm tỷ lệ 60%), đang giải quyết 03/10 kiến nghị (chiếm tỷ lệ 30%), giải quyết chưa dứt điểm 01/10 kiến nghị (chiếm tỷ lệ 10%). Kiến nghị tại Kỳ họp thứ Mười sáu, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, đã tiếp thu chỉ đạo, giải quyết xong và giải quyết theo lộ trình, quy định 46/52 ý kiến, kiến nghị của cử tri (chiếm tỷ lệ 88,46%); 04/52 kiến nghị đang xem xét, giải quyết (chiếm tỷ lệ 7,69%); 02/52 kiến nghị giải quyết chưa dứt điểm (chiếm tỷ lệ 3,84%).

2. Về tồn tại, hạn chế trong việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri

Các vấn đề cử tri kiến nghị, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp thu, chỉ đạo giải quyết và trả lời, song công tác phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan trong việc giải quyết kiến nghị của cử tri có nội dung, có thời điểm còn chưa chặt chẽ. Việc kiểm tra, rà soát của các cơ quan chức năng liên quan tới việc giải quyết kiến nghị của cử tri có lúc, có việc còn chậm và chưa sâu sát nên dẫn đến việc giải quyết kéo dài hoặc giải quyết chưa dứt điểm như: Một số kiến nghị còn tồn đọng từ những kỳ họp trước của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI đến nay vẫn chưa giải quyết dứt điểm: 03/10 kiến nghị đang giải quyết và 01/10 kiến nghị giải quyết chưa dứt điểm.

- Ủy ban nhân dân tỉnh chưa báo cáo cụ thể đối với những nội dung kiến nghị của cử tri phải cần có thêm thời gian thực hiện cũng như lộ trình và biện pháp giải quyết cụ thể; chưa có văn bản giao trách nhiệm cụ thể cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền nên chưa có sự quan tâm giải quyết, trả lời cho cử tri. Mặt khác, công tác kiểm tra, theo dõi, đôn đốc của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị cử tri của các sở, ban, ngành, địa phương chưa thường xuyên, quyết liệt.

		<p><i>3.Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri</i></p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xem xét khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên. Đồng thời, để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết kiến nghị của cử tri, Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo, giải quyết có kết quả các nội dung kiến nghị của cử tri đang giải quyết hoặc giải quyết chưa dứt điểm thuộc thẩm quyền.</p> <p>Đối với các ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền hoặc phải có ý kiến của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, cơ quan chức năng thì Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời có văn bản kiến nghị đến Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, cơ quan chức năng; đồng thời báo cáo cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được biết để trả lời cho cử tri</p> <p><i>(có phụ lục các kiến nghị của cử tri đã gửi đến Kỳ họp thứ Mười sáu và các Kỳ họp trước của HĐND tỉnh khóa XI đang giải quyết và giải quyết chưa dứt điểm kèm theo).</i></p> <p>4.Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo kết quả tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII.</p> <p>Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</p> <p>Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.</p>
03	Dự thảo nghị quyết về chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2022	<p>Điều 1. Thống nhất chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2022 với các nội dung như sau:</p> <p>1. Tại kỳ họp giữa năm 2022</p> <p>1.1. Xem xét báo cáo tình hình thực hiện công tác 6 tháng đầu năm 2022 của Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và</p>

	<p>Cục Thi hành án dân sự tỉnh.</p> <p>1.2. Xem xét các báo cáo của UBND tỉnh thực hiện công tác 6 tháng đầu năm 2022 về: Kinh tế - xã hội; thực hiện ngân sách nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, công tác phòng chống tham nhũng và kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri.</p> <p>1.3. Xem xét các báo cáo của UBND tỉnh việc thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ Mười sáu và các kỳ họp trước của HĐND tỉnh chưa được giải quyết hoặc giải quyết chưa dứt điểm.</p> <p>1.4. Xem xét báo cáo của Thường trực HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc giải quyết các kiến nghị của cử tri tại Kỳ họp cuối năm 2021 và các kỳ họp trước của HĐND tỉnh chưa được giải quyết hoặc giải quyết chưa dứt điểm.</p> <p>1.5. Báo cáo kết quả giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh năm 2022 về: <i>Kết quả thực hiện Kế hoạch hành động “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Gia Lai theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu, giai đoạn 2016-2020”</i>.</p> <p>1.6. Tiến hành hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh.</p> <p>1.7. Xem xét quyết định của UBND tỉnh, nghị quyết của HĐND cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước và nghị quyết của HĐND tỉnh (nếu có).</p> <p>1.8. Xem xét các báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh.</p> <p>2. Tại kỳ họp cuối năm 2022</p> <p>2.1. Xem xét các báo cáo công tác năm 2022 của Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và Cục Thi hành án dân sự tỉnh.</p>
--	---

		<p>2.2. Xem xét báo cáo của UBND tỉnh thực hiện công tác năm 2022 về: Kinh tế - xã hội; thực hiện ngân sách nhà nước năm 2022; quyết toán ngân sách nhà nước năm 2020; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, công tác phòng chống tham nhũng và giải quyết kiến nghị của cử tri.</p> <p>2.3. Xem xét báo cáo của Thường trực HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc giải quyết các kiến nghị của cử tri tại Kỳ họp thứ Hai, HĐND tỉnh khóa XII và các kỳ họp trước của HĐND tỉnh khóa XI chưa được giải quyết hoặc giải quyết chưa dứt điểm.</p> <p>2.4. Tiến hành hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh.</p> <p>2.5. Xem xét quyết định của UBND tỉnh, nghị quyết của HĐND cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước và nghị quyết của HĐND tỉnh (nếu có).</p> <p>2.6. Xem xét các báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh.</p> <p>Điều 2. Tổ chức thực hiện</p> <p>1. HĐND tỉnh giao Thường trực HĐND tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nghị quyết này; chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh; chỉ đạo việc theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả giải quyết các kiến nghị sau giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện chương trình giám sát của HĐND tỉnh, làm cơ sở cho việc dự kiến chương trình giám sát của năm tiếp theo.</p> <p>2. Căn cứ vào chương trình giám sát của HĐND tỉnh và điều kiện tình hình thực tế, Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh đại biểu HĐND tỉnh chủ động xây dựng, triển khai thực hiện chương trình giám sát của mình, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật; phát huy tốt vai trò, trách nhiệm, tiếp</p>
--	--	--

		<p>tục nghiên cứu, đề xuất những nội dung đổi mới cụ thể, thiết thực, khả thi, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát.</p> <p>3. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nâng cao tính chuyên nghiệp trong tổ chức thực hiện, tăng cường các điều kiện đảm bảo để hoạt động giám sát được tiến hành một cách thuận lợi, đạt chất lượng, hiệu quả cao.</p> <p>4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm báo cáo và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác những thông tin, tài liệu cần thiết về nội dung giám sát theo yêu cầu; thực hiện đầy đủ, kịp thời, nghiêm túc những kiến nghị sau giám sát; xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc không thực hiện hoặc thực hiện chưa tốt các kiến nghị và báo cáo HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh về kết quả thực hiện.</p> <p>Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ủy ban MTTQVN tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nghị quyết này.</p>
DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THUỘC LĨNH VỰC PHÁP CHẾ		
04	<p>Dự thảo nghị quyết Phê chuẩn Đề án tổ chức xây dựng chốt dân quân thường trực tại các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025</p>	<p>Điều 1. Phê chuẩn Đề án số 925/ĐA-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Gia Lai về tổ chức xây dựng chốt dân quân thường trực tại các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 <i>(Có Đề án kèm theo)</i>.</p> <p>Điều 2. Giao UBND tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</p>

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI		
05	<p>Dự thảo nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp; mức hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp; mức hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng</p> <p>a) Trẻ em mầm non thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.</p> <p>b) Giáo viên mầm non thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.</p> <p>c) Cơ sở giáo dục mầm non, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.</p> <p>Điều 2. Mức hỗ trợ</p> <p>1. Mức hỗ trợ đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp: Trẻ em mầm non quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ 160.000 đồng/trẻ/tháng.</p> <p>2. Mức hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp: Giáo viên mầm non quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ 800.000 đồng/người/tháng.</p> <p>3. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách được bố trí trong chi hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc ngân sách cấp huyện.</p> <p>Điều 3. Điều khoản thi hành</p> <p>Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.</p> <p>Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ</p>

		quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
06	Dự thảo nghị quyết kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 125/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; học phí đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp của các trường công lập thuộc tỉnh Gia Lai năm học 2020 - 2021	<p>Điều 1. Kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 125/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; học phí đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp của các trường công lập thuộc tỉnh Gia Lai năm học 2020 - 2021.</p> <p>1. Kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 125/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; học phí đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp của các trường công lập thuộc tỉnh Gia Lai năm học 2020 - 2021; Riêng Xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thực hiện theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và các quy định khác của pháp luật.</p> <p>2. Thời hạn kéo dài: Từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày kết thúc năm học 2021 - 2022.</p> <p>Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.</p> <p>Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.</p>

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THUỘC LĨNH VỰC KINH TẾ - NGÂN SÁCH	
<p>07</p> <p>Dự thảo nghị quyết Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn</p>	<p>Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn như sau:</p> <p><i>“2. Tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh</i></p> <p><i>Trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh được hỗ trợ kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo mức khoán kinh phí bằng 200% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm.”</i></p>
<p>08</p> <p>Dự thảo nghị quyết Về việc bố trí ngân sách địa phương để mua vắc xin phòng COVID-19 và tổ chức tiêm chủng cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2021</p>	<p>Điều 1. Bố trí ngân sách địa phương để mua vắc xin phòng COVID-19 và tổ chức tiêm chủng cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2021.</p> <p>Điều 2. Đối tượng triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19</p> <p>Đối tượng triển khai: 70% tổng số đối tượng người từ 18 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh Gia Lai tương ứng với khoảng 662.707 người, gồm:</p> <p>1. Đối tượng được ưu tiên là lực lượng tuyến đầu phòng, chống dịch và lực lượng tuyến đầu trong thúc đẩy, phát triển kinh tế quy định tại Khoản 3 Mục III Kế hoạch triển</p>

	<p>khai tiêm vắc xin phòng COVID-19 năm 2021-2022 ban hành kèm theo Quyết định số 3355/QĐ-BYT ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p> <p>2. Người dân từ 18 tuổi đến 65 tuổi ở vùng có nguy cơ dịch cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.</p> <p>Điều 3. Kinh phí thực hiện</p> <p>1. Kinh phí thực hiện:</p> <p>Tổng số kinh phí thực hiện năm 2021 là: 183.168.477.000 đồng, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí Trung ương (<i>đảm bảo cho các đối tượng do các cơ quan Trung ương quản lý, hỗ trợ 70% tiền mua vắc xin cho địa phương, mua bơm kim tiêm, hộp an toàn và kinh phí vận chuyển vắc xin đến kho của tỉnh</i>): 123.002.128.000 đồng. - Kinh phí địa phương: 60.166.349.000 đồng, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + 30% tổng số kinh phí mua vắc xin phòng COVID-19: 48.387.567.000 đồng. + Kinh phí tổ chức tiêm chủng, tập huấn và các hoạt động truyền thông: 11.778.782.000 đồng. <p>2. Nguồn kinh phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngân sách địa phương, gồm: tối đa 50% nguồn dự phòng ngân sách địa phương và tối đa 70% quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh. - Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác. <p>Tùy theo nguồn kinh phí từ Quỹ vắc xin phòng COVID-19, nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để phân bổ số kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định. Tối đa nguồn ngân sách địa phương phải bố trí là 60.166.349.000 đồng.</p> <p>Điều 4. Tổ chức thực hiện</p> <p>Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này trên cơ sở tiến độ cung ứng vắc xin của Bộ Y tế.</p>
--	--

<p>09</p>	<p>Dự thảo nghị quyết về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai</p>	<p>Điều 1. Thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh với diện tích 106,63ha để thực hiện 43 công trình, dự án; dự kiến kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng: 107.066.841.826 đồng (<i>ngân sách tỉnh: 10.163.824.000 đồng, ngân sách huyện: 26.668.000.000 đồng và nguồn vốn khác: 70.235.017.826 đồng</i>) và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng thực tế thực hiện theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cụ thể như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Huyện Kông Chro: 01 công trình, dự án với diện tích 0,79 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến là 1.500.000.000 đồng (<i>ngân sách huyện</i>); 2. Huyện Kbang: 03 công trình, dự án với diện tích 17,93 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến là 28.937.000.000 đồng (<i>ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác</i>); 3. Huyện Ia Pa: 02 công trình, dự án với diện tích 6,0 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến là 5.140.000.000 đồng (<i>ngân sách huyện</i>); - Huyện Phú Thiện: 01 công trình, dự án với diện tích 4,11 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến là 4.170.000.000 đồng (<i>ngân sách huyện</i>); 4. Huyện Chư Pưh: 02 công trình, dự án với diện tích 1,49 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến là 1.383.000.000 đồng (<i>ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh</i>); 5. Huyện Đak Đoa: 01 công trình, dự án với diện tích 0,35 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến là 150.000.000 đồng (<i>nguồn vốn khác</i>); 6. Huyện Đức Cơ: 02 công trình, dự án với diện tích 16,42 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến là 4.790.400.000 đồng (<i>ngân sách huyện và nguồn vốn khác</i>); 7. Huyện Chư Sê: 08 công trình, dự án với diện tích 10,5 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến là 4.531.505.826 đồng (<i>ngân sách huyện và nguồn vốn khác</i>);
-----------	---	--

		<p>8. Thành phố Pleiku: 03 công trình, dự án với diện tích 2,61 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến là 30.701.691.000đồng (<i>ngân sách Trung ương; nguồn vốn của ngành điện và nguồn vốn khác</i>);</p> <p>9. Thị xã Ayun Pa: 02 công trình, dự án với diện tích 1,8 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến là 4.550.000.000đồng (<i>ngân sách tỉnh</i>);</p> <p>10. Huyện Chư Prông: 04 công trình, dự án với diện tích 21,04 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến là 9.338.421.000 đồng (<i>ngân sách Trung ương (Trái phiếu Chính phủ), ngân sách tỉnh và nguồn vốn khác</i>);</p> <p>11. Huyện Krông Pa: 05 công trình, dự án với diện tích 9,59 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến là 8.034.000.000 đồng (<i>ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác</i>);</p> <p>12. Huyện Đak Pơ: 05 công trình, dự án với diện tích 6,64 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến là 733.824.000 đồng (<i>ngân sách tỉnh và ngân sách huyện</i>);</p> <p>13. Huyện Mang Yang: 02 công trình, dự án với diện tích 7,3 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến là 3.007.000.000 đồng (<i>ngân sách tỉnh và nguồn vốn khác</i>);</p> <p>14. Huyện Ia Grai: 01 công trình, dự án với diện tích 0,02 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến là 50.000.000 đồng (<i>nguồn vốn khác</i>);</p> <p>15. Huyện Chư Păh: 01 công trình, dự án với diện tích 0,04 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến là 50.000.000 đồng (<i>nguồn vốn khác</i>).</p> <p>Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện Nghị Quyết này.</p>
10	Dự thảo nghị quyết thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng	<p>Điều 1. Thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng bổ sung thực hiện trong năm 2021 như đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai với diện tích 13,29 ha (đất trồng lúa) để thực hiện 22 công trình, dự án; cụ thể như sau:</p>

	<p>hộ, đất rừng đặc dụng bổ sung thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Huyện KBang: 02 công trình, dự án với diện tích 0,98 ha (Đất trồng lúa). 2. Huyện Ia Pa: 02 công trình, dự án với diện tích 1,01 ha (Đất trồng lúa). 3. Huyện Phú Thiện: 01 công trình, dự án với diện tích 0,03 ha (Đất trồng lúa). 4. Huyện Chư Pưh: 02 công trình, dự án với diện tích 1,49 ha (Đất trồng lúa). 5. Huyện Chư Sê: 03 công trình, dự án với diện tích 1,30 ha (Đất trồng lúa). 6. Thành phố Pleiku: 02 công trình, dự án với diện tích 2,29 ha (Đất trồng lúa). 7. Thị xã Ayun Pa: 02 công trình, dự án với diện tích 1,11 ha (Đất trồng lúa). 8. Huyện Chư Prông: 02 công trình, dự án với diện tích 2,75 ha (Đất trồng lúa). 9. Huyện Krông Pa: 03 công trình, dự án với diện tích 0,97 ha (Đất trồng lúa). 10. Huyện Đak Pơ: 02 công trình, dự án với diện tích 0,36 ha (Đất trồng lúa). 11. Huyện Mang Yang: 01 công trình, dự án với diện tích 1,00 ha (Đất trồng lúa). <p>Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện Nghị Quyết này.</p>
<p>11</p>	<p>Dự thảo nghị quyết Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025</p>	<p>Điều 1. Phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương với tổng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 là 12.040,768 tỷ đồng; cụ thể như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vốn trong cân đối theo tiêu chí: 4.663,6 tỷ đồng. <ol style="list-style-type: none"> a. Vốn trong cân đối theo tiêu chí do tỉnh đầu tư: 2.523,6 tỷ đồng, bố trí cho 38 dự án, trong đó có 09 dự án chuyển tiếp và 28 dự án khởi công mới và 01 dự án thu hồi vốn ứng trước. b. Vốn trong cân đối theo tiêu chí phân cấp huyện, thị xã, thành phố đầu tư: 2.140 tỷ đồng, bố trí cho 17 huyện, thị xã, thành phố.

		<p>2. Tiền sử dụng đất: 6.200 tỷ đồng.</p> <p>a. Tiền sử dụng đất của tỉnh: 3.806,44 tỷ đồng, bố trí cho 42 dự án, trong đó có 02 dự án chuyển tiếp và 40 dự án khởi công mới. Đối với Bệnh viện 331 được bố trí từ nguồn xổ số kiến thiết 100 tỷ đồng và tiền sử dụng đất có bố trí 20 tỷ đồng, số dự án tính vào nguồn vốn xổ số kiến thiết; dự án xây dựng trụ sở HĐND - UBND thành phố Pleiku bố trí tiền sử dụng đất 40 tỷ đồng để bổ sung có mục tiêu cho thành phố xây dựng Trụ sở.</p> <p>b. Tiền sử dụng đất phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố đầu tư: 2.393,56 tỷ đồng, bố trí cho 17 huyện, thị xã, thành phố.</p> <p>3. Xổ số kiến thiết: 794 tỷ đồng bố trí cho 22 dự án khởi công mới.</p> <p>4. Bội chi ngân sách địa phương: 50,1 tỷ đồng.</p> <p>5. Bố trí vốn cho những dự án đầu tư công giai đoạn 2016-2020 chưa giao đủ vốn do các nguồn tiền sử dụng đất, nguồn xổ số kiến thiết trong năm 2019, năm 2020 thu không đạt: 333,068 tỷ đồng.</p> <p>Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p> <p>Giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh, Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức thành viên theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.</p>
12	<p>Dự thảo nghị quyết Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2021 (đợt 3) và cho ý kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2021</p>	<p>Điều 1. Phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2021 (đợt 3) là 802,291 tỷ đồng. Cụ thể như sau:</p> <p>1. Vốn trong cân đối theo chỉ tiêu tỉnh đầu tư: 164,102 tỷ đồng, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn chuẩn bị đầu tư: 4,81 tỷ đồng. - Vốn thực hiện dự án: 159,292 tỷ đồng bố trí cho 06 dự án khởi công mới, Chương trình kiên cố hạ tầng giao thông và kênh mương và chi cho ngân hàng chính sách, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Lĩnh vực khoa học, công nghệ: 5 tỷ đồng, bố trí cho 01 dự án; + Lĩnh vực phát thanh, truyền hình: 8,792 tỷ đồng, bố trí cho 01 dự án; + Lĩnh vực bảo vệ môi trường: 3,5 tỷ đồng, bố trí cho 01 dự án;

		<p>+ Các hoạt động kinh tế: 142 tỷ đồng, bố trí cho 03 dự án, Chương trình kiên cố hạ tầng giao thông và kênh mương và chi cho Ngân hàng chính sách.</p> <p>2. Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư: 436,089 tỷ đồng, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn chuẩn bị đầu tư: 4,53 tỷ đồng. - Vốn thực hiện dự án: 431,559 tỷ đồng, bố trí cho 20 dự án khởi công mới, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Lĩnh vực văn hoá, thông tin: 20 tỷ đồng, bố trí cho 01 dự án; + Các hoạt động kinh tế: 405,848 tỷ đồng, bố trí cho 18 dự án; + Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập: 5,711 tỷ đồng, bố trí cho 01 dự án. <p>3. Xổ số kiến thiết: 152 tỷ đồng, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn chuẩn bị đầu tư: 4,21 tỷ đồng. - Vốn thực hiện dự án: 147,79 tỷ đồng, bố trí cho 05 dự án khởi công mới và đối ứng cho các Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Lĩnh vực giáo dục: 42 tỷ đồng, bố trí cho 03 dự án; + Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình: 58 tỷ đồng, bố trí cho 02 dự án; + Các hoạt động kinh tế: 47,79 tỷ đồng đối ứng cho các Chương trình mục tiêu quốc gia. <p>4. Bội chi ngân sách: 50,1 tỷ đồng.</p> <p>Điều 2. Thống nhất kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) năm 2021 là 263 tỷ đồng, trong đó:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vốn chuẩn bị đầu tư: 19,92 tỷ đồng. 2. Vốn thực hiện dự án: 243,08 tỷ đồng, bố trí cho 04 dự án chuyển tiếp và 06 dự án khởi công mới. <p>Điều 3. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh,</p>
--	--	--

		đại biểu HĐND tỉnh, Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức thành viên theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
13	Dự thảo nghị quyết Điều chỉnh Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai	<p>Điều chỉnh khoản 2 và bổ sung khoản 3 vào Điều 1 Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai, như sau:</p> <p>“2.Kết quả rà soát, điều chỉnh ranh giới 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2030.</p> <p>Diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp tỉnh Gia Lai đến năm 2030:723.156,38 ha, chiếm 46,62% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rừng đặc dụng là 82.208,33 ha, chiếm 11,37%, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Diện tích đất có rừng: 79.415,16 ha (diện tích đất rừng tự nhiên là 78.841,13 ha; diện tích đất rừng trồng là 574,03 ha). + Diện tích đất trống (chưa có rừng): 2.793,17 ha. - Rừng phòng hộ 150.374,48 ha, chiếm 20,79%, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Diện tích đất có rừng: 119.453,75 ha (diện tích đất rừng tự nhiên là 107.697,65 ha; diện tích đất rừng trồng là 11.756,10 ha). + Diện tích đất trống (chưa có rừng): 30.920,73 ha. - Rừng sản xuất: 490.573,57 ha, chiếm 67,84%, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Diện tích đất có rừng: 320.586,80 ha (diện tích đất rừng tự nhiên là 286.070,88 ha; diện tích đất rừng trồng là 34.515,92 ha). + Diện tích đất trống (chưa có rừng): 169.986,77 ha. <p><i>(Có Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng rừng, điều chỉnh lại 3 loại rừng đến năm 2030 kèm theo)</i></p> <p>3. Kết quả rà soát, điều chỉnh ranh giới 3 loại rừng tỉnh Gia Lai năm 2030 là cơ sở để tích hợp vào các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật.”</p>
14	Dự thảo nghị quyếtban hành Kế hoạch phát triển	Điều 1. HĐND tỉnh tán thành các chỉ tiêu đạt được của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng giai đoạn 2016-2020 và thống nhất kế hoạch phát

<p>kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng 5 năm giai đoạn 2021– 2025 của tỉnh Gia Lai</p>	<p>triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Gia Lai và yêu cầu UBND tỉnh tăng cường chỉ đạo các ngành, các cấp nỗ lực tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025. Cụ thể như sau:</p> <p>I. Những kết quả đạt được</p> <p>Trong 5 năm qua, việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, cụ thể như sau:</p> <p>1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.</p> <p>- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 đạt 7,55% (trong đó: ngành nông, lâm, thủy sản tăng 5,78%, công nghiệp- xây dựng 8,65%, dịch vụ tăng 8,23%). GRDP đến năm 2020 theo giá hiện hành đạt 80.000 tỷ đồng, gấp 1,63 lần so với năm 2015. Tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 51,9 triệu đồng, tăng 1,48 lần so với năm 2015.</p> <p>- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, đến năm 2020 tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 37,18% (giảm 2,86% so với năm 2015), công nghiệp - xây dựng chiếm 28,46% (tăng 1,69% so với năm 2015), dịch vụ chiếm 34,36% (tăng 1,17% so với năm 2015).</p> <p>2. Các chỉ tiêu chủ yếu</p> <p>2.1. Các chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch: Có 15/18 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, cụ thể như sau:</p> <p>- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hàng năm đạt 7,55% (Vượt kế hoạch 0,05%);</p> <p>- Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: Ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 37,18%, công nghiệp - xây dựng chiếm 28,46%, dịch vụ chiếm 34,36%;</p> <p>- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020 đạt 87 xã (vượt 17 xã so với kế</p>
--	--

		<p>hoạch đề ra);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2020 đạt 1,15% (vượt kế hoạch 0,05%); - Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020 đạt 50,53% (vượt kế hoạch 10,53%); - Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 giảm còn 5,38% (Kế hoạch còn 7%). - Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế đến năm 2020 đạt 90% (vượt kế hoạch 28,7%); - Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đến năm 2020 đạt 91,05% (vượt kế hoạch 0,95%); - Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2020: 40,7% (tỷ lệ che phủ rừng chung: 46,7%) (vượt kế hoạch 0,1%); - Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đến năm 2020 đạt xấp xỉ 100% (đạt kế hoạch); - Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đến năm 2020 đạt 89% (đạt kế hoạch); - Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc THCS đến năm 2020 đạt 91,5% (đạt kế hoạch). - Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt 55% (đạt kế hoạch). - Số bác sỹ trên vạn dân đến năm 2020 đạt 8 bác sỹ (đạt kế hoạch). - Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh ở nông thôn đến năm 2020 đạt 97%, ở thành thị đạt trên 99% (đạt kế hoạch). <p>2.2. Một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch: Có 03/18 chỉ tiêu không đạt kế hoạch, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng sản phẩm bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 51,9 triệu đồng (kế hoạch 54,8 triệu đồng). - Thu ngân sách tăng bình quân đạt 7,02%/năm (kế hoạch 9-10%). - Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 13,35%/năm (kế hoạch 15,24%). <p>II. Một số nội dung chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm</p>
--	--	--

an ninh, quốc phòng 5 năm 2021-2025

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hiệu quả và bền vững; nâng cao chất lượng tăng trưởng, hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh dựa trên cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và kinh tế thị trường. Phát triển nhanh các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch; phát triển khu vực kinh tế tư nhân; xây dựng năng lực đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, các nguồn vốn đầu tư để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; thực hiện tốt chủ trương, chính sách liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số. Giữ vững quốc phòng, an ninh. Phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc; năng động, sáng tạo. Khai thác tốt tiềm năng, lợi thế, các nguồn lực để xây dựng Gia Lai phát triển nhanh, bền vững, giàu bản sắc.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2021-2025

2.1. Các chỉ tiêu phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm (GRDP) đạt 8,6% trở lên; trong đó, ngành nông - lâm-thủy sản tăng 6,25%, ngành công nghiệp-xây dựng tăng 10,87%, ngành dịch vụ tăng 8,68%, thuế sản phẩm tăng 8,83%. GRDP theo giá hiện hành đến năm 2025 đạt 131.702 tỷ đồng.

- Tỷ trọng nông - lâm-thủy sản, công nghiệp-xây dựng, dịch vụ, thuế sản phẩm đến năm 2025 tương ứng là: 29,89%, 31,22%, 35,4%, 3,49%.

- Tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 79,5 triệu đồng/người/năm.

- Thu ngân sách nhà nước tăng 15%/năm trở lên.

- Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tăng 12,89%/năm.

- Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2025 đạt khoảng 850 triệu USD, tăng bình quân 7,94%/năm. Kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân 5,92%/năm.

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025: 120 xã trở lên; số địa phương cấp

	<p>huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 10 địa phương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2025 đạt 35%. <p>2.2.2. Các chỉ tiêu phát triển văn hóa - xã hội, môi trường, an ninh - quốc phòng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm từ 0,8% trở lên (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020). - Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2025 đạt 1,1%. - Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc trung học cơ sở đến năm 2025 đạt 97%. - Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025 đạt 68%. - Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đến năm 2025 đạt 98%. - Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt 70% trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt (28-30%). - Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế theo tiêu chí mới đến năm 2025 đạt 95% và số bác sỹ/vận dân đến năm 2025 đạt 9 bác sỹ. - Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số. - Diện tích rừng trồng mới hàng năm đạt trên 8.000 ha; độ che phủ rừng đến năm 2025 đạt 47,75%. - Tổ chức tuyên truyền hàng năm đạt 100% chỉ tiêu. <p>3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu</p> <p>3.1. Về kinh tế</p> <p>3.1.1 Ổn định tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế</p> <p>Thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng và các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh dựa trên cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thực hiện linh hoạt, hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch bệnh Covid -19, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới.</p>
--	---

3.1.2. Phát triển ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản và kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục xác định ngành nông nghiệp là “trụ đỡ” của tỉnh trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, đảm bảo việc tổ chức sản xuất nông nghiệp hoạt động bình thường. Tăng cường thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tự động, thông minh. Xây dựng các vùng cây trồng, vật nuôi hàng hóa có lợi thế so sánh và chăn nuôi gia súc gắn với chế biến sâu sản phẩm xuất khẩu. Thúc đẩy sản phẩm chủ lực OCOP (mỗi xã, phường một sản phẩm) của tỉnh gắn với thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, xây dựng hợp tác xã, mô hình Nông hội.

Quản lý và có phương án sử dụng hiệu quả diện tích rừng hiện có của tỉnh. Chuyển mạnh phương thức sản xuất từ lâm nghiệp truyền thống sang lâm nghiệp xã hội về bảo vệ, phát triển rừng và quản lý rừng bền vững. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến vào phát triển chăn nuôi; tiếp tục thúc đẩy việc lai tạo, phát triển chăn nuôi bò, heo, các loại gia cầm theo hướng công nghiệp tập trung quy mô lớn. Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản theo điều kiện của từng vùng; tập trung phát triển sản xuất giống thủy sản có giá trị kinh tế cao.

Tiếp tục đẩy mạnh Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân trong tỉnh.

3.1.3. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp - xây dựng, chú trọng phát triển công nghiệp chế biến

Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, ưu tiên tập trung phát triển các nhà máy chế biến sản phẩm từ nông nghiệp; phát triển năng lượng tái tạo, công nghiệp năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời phù hợp với lợi thế của tỉnh.

Hình thành các khu, cụm công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm quy mô lớn (các trung tâm chế biến nông sản) gắn với vùng nguyên liệu ổn định để phát triển sản xuất và chế biến sâu các sản phẩm có lợi thế về nguyên liệu trong vùng. Tăng cường đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; tạo điều kiện cho các nhà đầu

tư vào sản xuất - kinh doanh.

3.1.4. Nâng cao chất lượng phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, tập trung phát triển du lịch tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh

Hình thành, phát triển chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh. Triển khai các giải pháp đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng tỷ trọng xuất khẩu qua chế biến đối với các mặt hàng chủ lực của tỉnh gắn với xây dựng thương hiệu. Tổ chức tốt thị trường lưu thông hàng hóa, đảm bảo cung cầu hàng hóa, các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhân dân, đặc biệt chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện phát triển thương mại trong tình hình dịch bệnh Covid - 19, chú trọng đầu tư phát triển hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại để đảm bảo cung ứng hàng hoá; đẩy mạnh bán hàng qua hình thức thương mại điện tử.

Hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, đa dạng hóa các hình thức đầu tư vào các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh, phấn đấu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, đóng góp cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng phát triển dịch vụ. Chủ động xây dựng chương trình kích cầu du lịch để triển khai ngay khi kiểm soát được dịch bệnh Covid - 19, trong đó, tập trung các giải pháp để tổ chức các hoạt động xúc tiến du lịch của tỉnh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội làm cơ sở phát triển thương mại điện tử; thúc đẩy phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng là hạ tầng chuyên phát và hạ tầng logistic để phục vụ cho phát triển thương mại điện tử và kinh tế số; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số.

3.1.5. Về công tác quy hoạch, đầu tư và thu hút đầu tư

Xây dựng và thực hiện có hiệu quả quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thu hút vốn FDI, xây dựng các tiêu chí về đầu tư để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển của tỉnh. Triển khai có hiệu quả công tác cải cách hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025; phấn đấu chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh đến năm 2025 nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành có chỉ số năng lực

	<p> cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tốt nhất cả nước.</p> <p>3.1.6. Huy động ngân sách, tài chính, ngân hàng, khai thác tốt các nguồn thu phục vụ cho phát triển</p> <p>Đảm bảo khai thác các nguồn thu địa phương một cách hợp lý, tích cực, bền vững, phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế của từng địa phương. Nâng dần tỷ lệ tự cân đối, giảm phần bổ sung từ ngân sách cấp trên; đảm bảo cân đối ngân sách.</p> <p>Phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng, đảm bảo theo kịp tốc độ phát triển và sự tiến bộ của khoa học - kỹ thuật cũng như quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>3.1.7. Phát triển các thành phần kinh tế</p> <p>Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, gắn với công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển nông thôn. Chú trọng phát triển kinh tế tư nhân, tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp hình thành, phát triển, có năng lực cạnh tranh trên thương trường trong nước và quốc tế; có giải pháp, cơ chế ưu đãi để thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong nước và quốc tế đến đầu tư. Tập trung củng cố, tổ chức lại hoạt động của các hợp tác xã theo mô hình hợp tác xã kiểu mới.</p> <p>3.1.8. Tiếp tục thực hiện các chính sách phát triển kinh tế vùng và liên kết vùng</p> <p>Hỗ trợ vốn đầu tư phát triển để các đô thị chỉnh trang nâng cấp và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội vùng động lực trong tỉnh. Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh, là trung tâm phát triển kinh tế - xã hội với tính chất đô thị là cao nguyên xanh, vì sức khỏe con người; phát triển xây dựng thị xã An Khê cơ bản đạt các tiêu chí và đủ điều kiện công nhận là đô thị loại III (là đô thị trung tâm khu vực phía Đông của tỉnh); xây dựng thị xã Ayunpa, thị trấn Chư Sê đạt đô thị loại IV.</p> <p>3.1.9. Các nhiệm vụ tái cơ cấu theo ngành, lĩnh vực</p> <p>- Về tái cơ cấu đầu tư công: Xây dựng thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, ưu tiên vốn đầu tư công xây dựng các dự án liên vùng, có tính kết nối và lan tỏa; các dự án nhằm thu hút các nhà đầu tư.</p>
--	---

		<p>- Về tái cơ cấu các ngân hàng thương mại: Tiếp tục yêu cầu các ngân hàng thương mại tự tái cơ cấu, tăng cường trích lập đủ dự phòng rủi ro và nâng cao hiệu quả. Tiếp tục củng cố và mở rộng mạng lưới ngân hàng trên địa bàn theo phương châm đi đôi với hiệu quả.</p> <p>- Về tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước: Thực hiện theo đúng hướng dẫn của trung ương và tiến độ quy định.</p> <p>3.1.10. Định hướng phát triển 3 đột phá chiến lược</p> <p>a) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Xây dựng các cơ chế, chính sách theo hướng dẫn của Trung ương phục vụ cho phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.</p> <p>b) Phát triển nguồn nhân lực: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ: Đặc biệt coi trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa, liên kết trong công tác giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực.</p> <p>c. Phát triển kết cấu hạ tầng: Tăng cường huy động các nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư để tập trung phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, có hệ thống, có trọng điểm, kết nối với các trung tâm kinh tế lớn và các trục giao thông đầu mối.</p> <p>3.1.11 Thực hiện 4 chương trình trọng tâm của theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI.</p> <p>Tập trung xây dựng và tổ chức thực hiện 04 chương trình trọng tâm sau:</p> <p>(1) Tập trung xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; (2) Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng các vùng động lực; (3) Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch; (4) Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu.</p>
--	--	--

		<p>3.2. Về văn hóa, xã hội, môi trường</p> <p>3.2.1. Lao động, việc làm, an sinh xã hội và giảm nghèo</p> <p>Triển khai thực hiện tốt các chế độ, chính sách, chương trình, dự án để đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số;Phấn đấu đưa tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 giảm bình quân 0,8%/năm; đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020) còn dưới 1%; tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm xuống còn dưới 5%.</p> <p>Thực hiện tốt chính sách đối với người có công; quan tâm chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; thực hiện bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ. Giải quyết việc làm cho người lao động bằng các chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường xuất khẩu lao động.</p> <p>3.2.2. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ</p> <p>Tiếp tục đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục của tỉnh theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa. Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường học, biên chế đội ngũ theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương khóa XII <i>một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả</i> và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương khóa XII <i>về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập</i>. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 68%.</p> <p>Tăng cường nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu triển khai, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ.</p> <p>3.2.3. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân</p> <p>Thực hiện tốt các hoạt động phòng, chống dịch, chủ động giám sát dịch tễ, không để</p>
--	--	--

dịch bệnh lớn xảy ra. Chủ động phòng, chống dịch, đặc biệt là phòng, chống dịch Covid-19, các nhiệm vụ công tác đều tập trung cao độ theo quan điểm vừa chống dịch, vừa chăm sóc sức khỏe nhân dân toàn diện. Triển khai có hiệu quả các dự án thuộc Chương trình mục tiêu y tế - dân số. Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng các hình thức đầu tư, huy động nhiều nguồn lực để đầu tư phát triển toàn diện hệ thống y tế.

3.2.4. Văn hóa thể dục thể thao, thông tin truyền thông

Phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, cách mạng, dân tộc thiểu số; nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn hóa, tổ chức có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Đầu tư các thiết chế văn hóa của tỉnh, các công trình văn hóa gắn với các di sản văn hóa được UNESCO và Nhà nước công nhận. Khai thác, bảo tồn và tôn tạo các di sản văn hóa tiêu biểu gắn với phát triển du lịch và bảo vệ tài nguyên môi trường. Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng; quan tâm phát triển thể thao thành tích. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

Đẩy mạnh việc chuyên đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; trọng tâm là xây dựng chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số.

3.2.5. Bảo vệ, khai thác hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong khai thác, sử dụng đất, nước, rừng, tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu. Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khai thác tài nguyên ở các ngành, doanh nghiệp kinh doanh dựa nhiều vào tài nguyên, các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm. Phân đầu đến năm 2025, thành phố Pleiku có hệ thống xử lý chất thải rắn, hệ thống xử lý nước thải đô thị với công nghệ hiện đại, phù hợp điều kiện địa phương.

4. Về công tác quốc phòng, an ninh, cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí

Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế

	<p>trận an ninh nhân dân vững chắc. Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm đường lối, chiến lược quốc phòng, chiến lược an ninh quốc gia của Đảng, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Tăng cường giáo dục, truyền thông, thông tin nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự chuyển biến về hành động, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của toàn dân trong đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tập trung xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ, trong đó lấy “thế trận lòng dân” vững chắc làm nền tảng cho thế trận an ninh nhân dân, kết hợp có hiệu quả với thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia.</p> <p>Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang “chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”, làm tốt công tác nắm tình hình, chủ động phòng ngừa và đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, bọn phản động, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.</p> <p>Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; duy trì thực hiện cơ chế "một cửa", “một cửa liên thông” và áp dụng hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Tăng cường kiểm tra công tác cải cách hành chính; kiên quyết chống các biểu hiện sách nhiễu, gây phiền hà của cán bộ, công chức đối với nhân dân trong quá trình thực thi công vụ. Thực hiện xã hội hóa đối với một số dịch vụ công của các đơn vị sự nghiệp công lập để từng bước tinh gọn bộ máy gắn với tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương khóa XII <i>một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả</i> và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương khóa XII <i>về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập</i>.</p> <p>Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Đưa công tác phòng, chống tham nhũng là một trong các tiêu chí để đánh giá mức độ</p>
--	---

hoàn thành nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị. Tăng cường công tác tự kiểm tra, chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật các hành vi tham nhũng ngay tại cơ quan, đơn vị.

5. Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, chú trọng phát triển quan hệ hợp tác với các tỉnh lân cận và các tỉnh trong tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác đối ngoại theo chủ trương đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Nâng cao hiệu quả quản lý các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh, tích cực hội nhập quốc tế với trọng tâm là ngoại giao kinh tế, đẩy mạnh mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác kinh tế với các nước. Duy trì quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tỉnh bạn Lào, Campuchia, bảo vệ biên giới lãnh thổ hòa bình, ổn định; phát triển kinh tế - xã hội khu vực biên giới.

III. Tổ chức thực hiện

Các cấp, các ngành quán triệt và công khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong triển khai thực hiện. Giao Sở Kế hoạch và đầu tư hướng dẫn, cụ thể hóa kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng 5 năm 2021-2025 vào kế hoạch hàng năm.

Giám đốc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng 5 năm 2021-2025 và hướng dẫn của Sở Kế hoạch và đầu tư để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của ngành và địa phương. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch. Đối với các vấn đề cần đổi mới, bổ sung, điều chỉnh phải báo cáo kịp thời với UBND tỉnh để bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

Giám đốc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Ủy ban MTTQVN các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Giao UBND tỉnh tiếp thu những ý kiến, kiến nghị của Thường trực HĐND

		<p>tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và ý kiến đóng góp của các đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ Hai, HĐND tỉnh khóa XII để chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện với sự nỗ lực, quyết tâm cao nhất nhằm đảm bảo hoàn thành thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 5 năm giai đoạn 2021 -2025 đã được HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua.</p> <p>Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.</p>
NGHỊ QUYẾT CHUNG		
15	<p>Dự thảo nghị quyết về tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021</p>	<p>Điều 1. Cơ bản tán thành Báo cáo số 05/BC-HĐND ngày 04/8/2021 của Thường trực HĐND tỉnh về tình hình hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2021 và Báo cáo số 85/BC-UBND ngày 03/7/2021 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2021.</p> <p>I. Về tình hình thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2021</p> <p>Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng là năm đầu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 30/11/2020 của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 273/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ 16 - khóa XI về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2021; trong 6 tháng đầu năm, tỉnh Gia Lai gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19, nhưng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, giám sát của HĐND tỉnh, sự phối hợp của Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cùng với sự đồng thuận, nỗ lực cố gắng của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh nên đã cơ bản thực hiện tốt việc phòng, chống dịch đảm bảo thực</p>

	<p>hiện “mục tiêu kép” vừa chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, tỉnh đã hoàn thành 02 nhiệm vụ lớn là đảm bảo tuyệt đối an toàn trong dịp Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VX và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026.</p> <p>Trong 6 tháng đầu năm 2021, tốc độ tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm 2021 đạt 9,7% (cùng kỳ năm 2020 đạt 4,16%), trong đó nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4,98%; công nghiệp - xây dựng tăng 24,53%; dịch vụ tăng 2,68%; thuế sản phẩm tăng 3,88%.</p> <p>Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (giá so sánh 2010) ước đạt 9.527 tỷ đồng, bằng 29,88% kế hoạch, tăng 5,25% so với cùng kỳ. Diện tích gieo trồng vụ Đông - Xuân đạt 105,1% kế hoạch, tăng 4,9% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng lương thực đạt 173.505 tấn, bằng 103,55% kế hoạch, tăng 1,66%. Diện tích gieo trồng, năng suất, sản lượng hầu hết các loại cây trồng đều đạt kế hoạch và tăng so với cùng kỳ. Các chương trình, kế hoạch phát triển cánh đồng lớn, tưới bằng công nghệ tiết kiệm nước, tái canh cây cà phê, chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao được chỉ đạo quyết liệt. Các nhiệm vụ sản xuất lâm nghiệp như chăm sóc rừng, khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh, thu, chi dịch vụ môi trường rừng thực hiện đúng kế hoạch. Chăn nuôi gia súc, gia cầm của tỉnh đang có xu hướng phát triển theo hướng trang trại, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về lĩnh vực giống, thức ăn, quy trình nuôi dưỡng...</p> <p>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ; tiếp tục triển khai xây dựng làng nông thôn mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đến nay, toàn tỉnh có 87 xã đạt chuẩn; bình quân đạt 15,78 tiêu chí nông thôn mới/xã. Hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận thị xã An Khê và thị xã Ayun Pa hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Năm 2021, tỉnh phấn đấu có thêm 02 huyện, 19 xã đạt chuẩn nông thôn mới.</p> <p>Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tăng 19,22% so với cùng kỳ. Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) đạt 11.090 tỷ đồng, bằng 44,72% kế hoạch, tăng 17,38% so với cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, tổng nguồn vốn huy động, cho vay</p>
--	---

	<p>ngân hàng tăng so với cùng kỳ. Đảm bảo dự trữ hàng hoá phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân theo các tình huống dịch Covid-19 diễn ra.</p> <p>Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh thực hiện 33.481 tỷ đồng, đạt 47,83% kế hoạch, tăng 2,77 lần so với cùng kỳ. Công tác xây dựng cơ bản được tỉnh chỉ đạo quyết liệt.</p> <p>Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 3.571,3 tỷ đồng, bằng 70,8% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 74,2% so với cùng kỳ. Chi ngân sách địa phương thực hiện 5.049,67 tỷ đồng, bằng 40,1% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 18,1% so với cùng kỳ. Kịp thời bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ như: phòng, chống dịch bệnh; hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid 19; phòng, chống dịch bệnh trên gia súc gia cầm; bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Thực hiện tiết kiệm chi ngân sách theo quy định.</p> <p>Công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, kêu gọi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp có chuyển biến tích cực. Việc thực hiện Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh để Bru điện thực hiện đạt nhiều kết quả đáng khích lệ, các sở, UBND cấp huyện, cấp xã và Bru điện đã tổ chức thực hiện tốt Quy chế phối hợp quản lý việc thí điểm chuyển giao nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Tình hình thu hút đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã có tiến triển tốt.</p> <p>Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện kỷ cương, kỷ luật hành chính. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, toàn diện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng. Chất lượng các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội, thanh tra phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí được nâng cao. Thực hiện tốt quy chế phát ngôn; chủ động theo dõi, điểm tin để kịp thời cung cấp thông tin cho báo chí, nhất là các vấn đề xã hội, cử tri quan tâm. Lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội, khiếu nại, tố cáo được thường xuyên quan tâm giải quyết. Đặc biệt tỉnh đã tổ chức đón công dân có hoàn cảnh khó khăn, cấp bách từ vùng dịch thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương trở về tỉnh là một việc làm có ý nghĩa thiết thực, được Nhân dân đồng tình,</p>
--	---

	<p>ủng hộ.</p> <p>Quốc phòng - an ninh được giữ vững. Tội phạm xâm phạm về trật tự xã hội được kiềm chế, không để xảy ra tội phạm có tổ chức, hoạt động băng, nhóm theo kiểu “xã hội đen”. Tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí.</p> <p>Hoạt động của HĐND và UBND các cấp tiếp tục được cải tiến, đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả. Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.</p> <p>Tuy nhiên, dịch Covid-19 vẫn diễn biến rất phức tạp đã tác động đến nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội; hoạt động của ngành dịch vụ, du lịch bị ảnh hưởng; vẫn còn một số đơn vị, cá nhân có tâm lý chủ quan, lơ là, mất cảnh giác đối với dịch bệnh, còn xảy ra tình trạng khai báo y tế gian dối dẫn đến lây lan dịch bệnh trong cộng đồng. Việc quản lý lao động người nước ngoài còn chưa chặt chẽ. Số doanh nghiệp hoạt động gặp khó khăn, xin giải thể, tạm dừng hoạt động còn nhiều. Tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản chưa đạt yêu cầu; giá vật liệu xây dựng tăng cao; bệnh viêm da nổi cục trên trâu bò ở một số địa phương xảy ra đã ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân; một số vụ vi phạm lâm nghiệp có tính chất phức tạp còn xảy ra. Một số vụ việc khiếu nại xử lý còn kéo dài. Số vụ và số người chết do tai nạn giao thông tăng.</p> <p>II. Về nhiệm vụ, giải pháp công tác 6 tháng cuối năm 2021</p> <p>HĐND tỉnh thống nhất với các nhiệm vụ chủ yếu thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2021 mà UBND tỉnh đã đề ra tại Báo cáo số 83/BC-UBND ngày 03/7/2021 và yêu cầu UBND tỉnh tăng cường chỉ đạo các ngành, các cấp nỗ lực tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 đã đề ra. Cụ thể trong 6 tháng cuối năm 2021 cần thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:</p> <p>1. Lĩnh vực kinh tế</p> <p>1.1. Trong điều kiện khó khăn chung của cả nước về phòng, chống dịch bệnh, cần chủ động, vận dụng sáng tạo, có những cách làm hay, khai thác, sử dụng có hiệu quả nhất</p>
--	---

	<p>các nguồn lực, các điều kiện thuận lợi của địa phương để phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ, du lịch trong phạm vi toàn tỉnh. Thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, không để lơ là, mất cảnh giác, xử lý nghiêm các trường hợp khai báo không trung thực để lây lan dịch bệnh trong cộng đồng; thực hiện có hiệu quả “mục tiêu kép” vừa chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>Khẩn trương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.</p> <p>1.2. Tập trung rà soát, xây dựng, thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; chuyển đổi giống cây trồng phù hợp. Triển khai tốt công tác phòng, chống dịch bệnh trong nông nghiệp, nhất là bệnh viêm da nổi cục trên trâu, bò, dịch tả lợn Châu Phi. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án nông, lâm nghiệp công nghệ cao. Triển khai các kế hoạch hợp tác, thực hiện các chuỗi liên kết trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phòng, chống cháy rừng, chăm sóc tốt diện tích rừng đã trồng. Tập trung chỉ đạo hoàn thành kế hoạch trồng rừng năm 2021 (8.000 ha); tổ chức phát động Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ và kế hoạch trồng 1 tỷ cây xanh do Thủ tướng Chính phủ phát động. Hoàn thành nhiệm vụ rà soát hiện trạng rừng, điều chỉnh ba loại rừng, xây dựng khung giá rừng, quy định trách nhiệm và xử lý trách nhiệm trong công tác quản lý bảo vệ rừng,...</p> <p>1.3. Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố sớm phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã theo quy định tại Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về <i>quy hoạch xây dựng nông thôn</i>. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để triển khai kế hoạch đầu tư xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới sau khi được Trung ương hướng dẫn và phân bổ vốn; đảm bảo năm 2021 có 02 huyện, 19 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Chủ động phối hợp với các bộ ngành Trung ương để được công nhận thị xã Ayun Pa, thị xã An Khê hoàn thành nhiệm vụ xây</p>
--	--

	<p>dựng nông thôn mới. Phân đầu năm 2021 có thêm 150 sản phẩm OCOP.</p> <p>1.4. Hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ đầu tư, sớm đưa vào hoạt động các dự án năng lượng tái tạo, các nhà máy chế biến... Quản lý chặt chẽ các dự án năng lượng tái tạo đã và đang triển khai tại tỉnh; xử lý sai phạm đối với các dự án điện mặt trời đang triển khai xây dựng trên địa bàn tỉnh nhưng chưa đảm bảo các tiêu chí theo quy định. Triển khai các cụm công nghiệp, nhất là các cụm công nghiệp dọc theo Quốc lộ 19. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, triển khai Kế hoạch thực hiện Hiệp định Thương mại tự do EVFTA. Các sở, ngành phối hợp với chủ đầu tư để đẩy nhanh tiến độ xây dựng Khu công nghiệp Nam Pleiku.</p> <p>1.5. Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp quản lý thu; nuôi dưỡng nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tập trung chống thất thu, nợ thuế; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án giao đất, đấu giá đất có thu tiền đất. Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ. Đơn đốc quyết toán dự án hoàn thành. Thực hiện nghiêm Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Xây dựng định mức chi ngân sách giai đoạn 2022-2025 và dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 theo đúng quy định.</p> <p>1.6. Triển khai Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022.</p> <p>Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong 6 tháng cuối năm 2021, nhất là đối với các công trình, dự án đầu tư công mang tính trọng điểm, có tính kết nối vùng. Phân đầu tỷ lệ giải ngân năm 2021 đạt 95-100% kế hoạch vốn được giao từ đầu năm; trong đó đến hết quý III năm 2021 giải ngân đạt 60% kế hoạch giao. Đối với các dự án khởi công mới năm 2021: tập trung hoàn thành thủ tục đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng dự án để có thể triển khai thi công ngay sau khi Quốc hội khóa XV quyết định giao kế hoạch.</p> <p>Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án quan trọng trên địa bàn như: Dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên (Quốc lộ 19); cải tạo, nâng cấp Quốc lộ</p>
--	--

	<p>25; tuyến giao thông biên giới cấp bách huyện Đức Cơ, đường liên huyện Chư Sê - Chư Pưh - Chư Prông; đường Tôn Đức Thắng; đường 662B; thủy lợi Plei Thơ Ga; hồ Tàu Dầu 2; hồ chứa nước Ia Rô; các công trình cấp bách do Trung ương hỗ trợ.</p> <p>1.7. Tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai. rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư đã được giao đất có thu tiền sử dụng đất và thuê đất trên địa bàn tỉnh. Lập quy hoạch sử dụng đất 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp huyện. Sử dụng hợp lý tài nguyên nước. Phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển kinh tế tập thể</p> <p>2.1. Phân đấu chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh năm 2021 nằm trong Top 25 của cả nước. Phân đấu đến cuối năm 2021 có 1.200 doanh nghiệp, 18 hợp tác xã thành lập mới theo kế hoạch. Tiếp tục thực hiện nghiêm Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.</p> <p>2.2. Xử lý nghiêm, kịp thời các tổ chức, cá nhân, cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, trình độ, suy thoái về đạo đức nghề nghiệp, gây nhũng nhiễu, thao túng, chi phối khi thực thi công vụ, vi phạm quy định của pháp luật.</p> <p>2.3. Tiếp tục triển khai Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; chương trình khởi nghiệp. Xây dựng quy chế phối hợp xử lý các dự án đầu tư. Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn để triển khai dự án đúng quy định; thu hồi các dự án đến nay đã quá hạn không triển khai.</p> <p>2.4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh chỉ đạo hệ thống các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh thực hiện kịp thời các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch Covid-19; đảm bảo nguồn vốn cho các ngành, lĩnh vực, tạo đà cho khôi phục kinh tế trong bối cảnh diễn biến mới của dịch Covid-19.</p> <p>2.5. Tiếp tục triển khai các giải pháp để phòng, chống dịch Covid-19 và hỗ trợ</p>
--	--

	<p>người dân gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh theo các quyết định của Chính phủ.</p> <p>2.6. Triển khai Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch của UBND tỉnh về Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030. Tiếp tục quan tâm hỗ trợ triển khai thực hiện các mô hình hợp tác xã kiểu mới, nông hội trên địa bàn tỉnh.</p> <p>3. Lĩnh vực văn hóa - xã hội</p> <p>3.1. Triển khai công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn, các sự kiện nổi bật của tỉnh, của đất nước; tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Tổ chức hoàn thành Đại hội thể dục thể thao cấp cơ sở năm 2021 (Khi tình hình dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát) tiến tới Đại hội thể dục thể thao tỉnh Gia Lai lần thứ IX năm 2022. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quảng bá du lịch trên các cơ quan báo chí và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.</p> <p>3.2. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục và đào tạo, tăng cường các điều kiện đảm bảo cho phát triển giáo dục, nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Chuẩn bị tốt các phương án tổ chức tuyển sinh đầu cấp năm học 2021-2022, khai giảng năm học mới 2021-2022 tuyệt đối an toàn phòng, chống dịch. Duy trì và nâng cao chất lượng của các trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học, phấn đấu đến cuối năm 2021 đạt 54%. Tiếp tục thực hiện sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương khóa XII về <i>tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập</i>.</p> <p>3.3. Bên cạnh việc tập trung phòng chống dịch Covid-19, triển khai tốt công tác khám, chữa bệnh, cấp cứu; đặc biệt quan tâm đến công tác khám, chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi. Thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới y tế cơ sở. Đẩy mạnh công tác kết hợp quân - dân y, quan tâm công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới của tỉnh.</p> <p>3.4. Chủ động triển khai kế hoạch giảm nghèo năm 2021, phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo</p>
--	---

giảm 2,38%; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS giảm 2,4%. Thực hiện có hiệu quả kế hoạch đào tạo nghề, các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo lao động, hỗ trợ giải quyết việc làm, bên cạnh việc hỗ trợ xuất khẩu lao động. Tăng cường công tác quản lý lao động nước ngoài trên địa bàn tỉnh, xử lý các trường hợp vi phạm theo đúng quy định. Các địa phương tăng cường hỗ trợ người dân gặp khó khăn trong thời gian giáp hạt, nhất là các đối tượng ở các thôn, làng đặc biệt khó khăn.

3.5. Phát huy vai trò khoa học - công nghệ; đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng, chuyển giao; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đối với hàng hóa nông sản; thực hiện việc truy xuất nguồn gốc, nhất là các sản phẩm OCOP. Triển khai dự án đổi mới sáng tạo. Quan tâm xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm của địa phương.

4. Lĩnh vực nội chính

4.1. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị trung ương đứng chân trên địa bàn chủ động theo dõi, nắm chắc tình hình, thực hiện đồng bộ các biện pháp bảo vệ biên giới, phòng chống vượt biên, xâm nhập. Đẩy mạnh công tác đấu tranh, bóc gỡ, xử lý các đối tượng hoạt động phục hồi FULRO, “Tin lành Đêga”. Thực hiện tốt công tác đối ngoại và nâng cao hiệu quả công tác hội nhập quốc tế, kêu gọi đầu tư nước ngoài vào tỉnh.

4.2. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thực hiện nghiêm quy định về tiếp công dân. Tập trung rà soát, giải quyết các vụ khiếu kiện kéo dài, các tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, không để phát sinh điểm nóng.

4.3. Chủ động triển khai các kế hoạch đấu tranh chuyên đề tấn công, trấn áp các loại tội phạm, tập trung vào tội phạm có tổ chức, hoạt động băng, nhóm nguy hiểm, tội phạm sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, tội phạm ma túy.

4.4. Xây dựng các giải pháp, chỉ tiêu cụ thể để kéo giảm sâu tai nạn giao thông đối với cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết và số người bị thương.

Điều 2. Giao UBND tỉnh tiếp thu những ý kiến, kiến nghị của Thường trực HĐND

	<p>tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và ý kiến đóng góp của các đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ Hai, HĐND tỉnh khóa XII để chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện với sự nỗ lực, quyết tâm cao nhất nhằm đảm bảo hoàn thành thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2021 đã được HĐND tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ 16 thông qua.</p> <p>Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.</p>
--	---